

Độc L - Tự do - Hạnh phúc

V/v “Xin ly hôn và nuôi con”

sống H thuận hạnh phúc, thời gian sau xảy ra mâu thuẫn do anh L không lo làm ăn và hay cờ bạc nên khoảng cách ngày càng xa nhau không thể sống chung được. Nay vợ chồng không còn hạnh phúc chị xin ly hôn anh L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Anh K, sinh ngày 25/7/2010 và Trần Nguyễn Tuyết G, sinh ngày 26/5/2015. Khi ly hôn chị xin được nuôi 02 con và yêu cầu anh L cấp dưỡng mỗi con mỗi cháu 1.250.000đồng /01tháng đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn L, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án số 40/2022/TB-TLVA ngày 11/3/2022 và thông báo về pH hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và H giải ngày 11/3/2022 hợp lệ, nhưng anh L vắng mặt không lý do, nên Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật “Xin ly hôn” là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

- Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Về thu thập chứng cứ, mở pH hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và H giải đúng quy định tại các Điều 94, 95, 96, 97, 109, 208, 209, 210, 211 BLTTDS.

- Hội đồng xét xử, Thư ký pH tòa tuân theo đúng quy định pháp luật và đảm bảo nguyên tắc xét xử sơ thẩm.

- Nguyên đơn đảm bảo quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 71 BLTTDS, phía bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 BLTTDS.

Qua ngH cứu hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại pH tòa nhận thấy: Chị Nguyễn H và anh Trần Văn L quen biết năm 2010, đến ngày 06/9/2010 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bắc H, huyện T. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, dần về sau anh L thường hay cờ bạc, cá độ bóng đá nên xảy ra cự cãi với nhau. Đến tháng 7/2021 chị H sống ly thân anh L đến nay. Đối với anh L nhận thông báo mở pH hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và H giải, nhưng anh vắng mặt không lý do. Nay chị H xác định cuộc sống không hạnh phúc xin ly hôn anh L là có cơ sở.

Con chung: Chị H và anh L có 02 con tên Trần Anh K, sinh ngày 25/7/2010 và Trần Nguyễn Tuyết G, sinh ngày 26/5/2015, hiện cháu K và cháu G sống với chị tại nhà mẹ ruột, nay chị H yêu cầu nuôi con là có cơ sở, vì cháu K và Cháu G đều có nguyện vọng sống với bà ngoại cùng mẹ. Về cấp dưỡng chị H yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu, mỗi tháng 1.250.000đồng là vượt quá $\frac{1}{2}$ so với mức lương cơ bản, nên chỉ chấp nhận một phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị H.

Căn cứ Điều 51, 56, 58 và các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi ngH cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại pH tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại pH tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đối với anh Trần Văn L, Tòa án tiến hành tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn pH tòa số: 14/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022 hợp lệ, nhưng anh L cố tình vắng mặt. Còn đối với chị Nguyễn H ngày 13/7/2022 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

[1.2] Chị Nguyễn H và anh Trần Văn L đăng ký kết hôn ngày 06/9/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Bắc H, huyện T, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nay chị H xin ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Sau khi kết hôn chị H và anh L về sống bên gia đình anh L tại ấp Nhơn H, xã Bắc H, huyện T, trong thời gian đầu hai bên sống hạnh phúc, đến năm 2021 hai bên phát sinh mâu thuẫn với nhau. Xét thấy nguyên nhân mâu thuẫn tình cảm giữa chị H và anh L do anh L hay cờ bạc và cá độ bóng đá làm ảnh hưởng kinh tế gia đình, việc này chị H có khuyên can nhưng anh L không sửa đổi, nên chị H sống ly thân anh L từ tháng 7/2021 cho đến nay. Còn anh L, Tòa án thông báo về pH họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và ý kiến chị H xin ly hôn, nhưng đến nay anh L không có văn bản hay ý

kiến gì về việc chị H xin ly hôn. Từ đó cho thấy mục đích hôn nhân giữa chị H và anh L không đạt được và cuộc sống chung của hai bên không thể kéo dài. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H theo đề nghị của Kiểm sát viên có cơ sở.

[2.2] Về con chung, theo đơn khởi kiện xin ly hôn chị H khai trong thời gian chung sống với anh L có 02 con chung tên Trần Anh K, sinh ngày 25/7/2010 và Trần Nguyễn Tuyết Giao, sinh ngày 26/5/2015, nay chị H yêu cầu nuôi 02 con. Xét thấy tại bản tự khai ngày 01/01/2022 của cháu K và bản tự khai ngày 22/6/2022 của cháu Giao có chung nguyện vọng sống với bà ngoại là mẹ chị H. Căn cứ vào khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị H theo đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con, chị H yêu cầu anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.250.000đồng /01 tháng. Xét thấy, Tòa án thông báo pH hợp về công khai chứng cứ và ý kiến của chị H yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nhưng anh L vắng mặt và không có văn bản hay ý kiến gì về việc chị H yêu cầu cấp dưỡng. Căn cứ Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên...”, nên yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị H có cơ sở. Tuy nhiên về mức cấp dưỡng chị H yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.250.000đồng/01tháng là vượt quá $\frac{1}{2}$ so mức lương tối thiểu theo công văn số 24/1999/KHXX, ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân Tối Cao quy định người không trực tiếp nuôi con có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định và theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính Phủ quy định mức lương tối thiểu (mức lương cơ sở) của đơn vị hành chính sự nghiệp là 1.490.000đồng/01 tháng, vì vậy chấp nhận 01 phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị H theo đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở, nên buộc anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu, mỗi tháng 745.000đồng, thời gian tính từ tháng 9/2022 cho đến khi con chung trưởng thành tròn 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm; anh L phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56 và các Điều 81, 82, 83, 84 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn H.

1. Về tình cảm: Chị Nguyễn H được ly hôn anh Trần Văn L.

2. Về con chung: chị Nguyễn H được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 02 con chung tên Trần Anh K, sinh ngày 25/7/2010 và Trần Nguyễn Tuyết Giao, sinh ngày 26/5/2015 (hiện nay đang sống với chị H). Anh Trần Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu, mỗi tháng 745.000đồng (*Bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng*), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2022 cho đến khi con chung trưởng thành tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp có đơn yêu cầu của cha mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn H phải chịu 300.000đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chuyển 300.000đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số 0004208 ngày 11/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, sang thành án phí.

Anh Trần Văn L phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quyết định Tòa án.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Nơi thực hiện đăng ký kết hôn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PH TÒA**

- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn H